

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 19-5-2021

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Kiều Lương.

Bà Nguyễn Thị Lệ Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Vũ Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLPT-HNGĐ ngày 24/3/2021 về việc: *“Ly hôn”*.

Do Bản án hôn nhân gia đình số 25/2021/HNGĐ-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2021/QĐ-PT ngày 12/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐ-PT ngày 05/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: KP1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1968;

Hộ khẩu thường trú: KP1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang cư trú tại: Tổ 8, KP3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông N có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Hoàng Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm:

* Ngày 20/6/2020, bà Lê Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giải quyết xin được ly hôn với ông Hoàng Văn N. Lý do xin ly hôn, theo bà H trình bày: Qua thời gian tìm hiểu, đến năm 1996 bà H và ông N tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01 ngày 18/01/1996). Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau khá hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, ông N hay có những lời lẽ không hay và hay động tay động chân đánh đập bà. Nay bà H nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N.

Về con chung: có 02 cháu tên Hoàng Lê A, sinh ngày 31/5/1997 và Hoàng Trung H, sinh năm 30/4/1999. Sau khi ly hôn, các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai của ông N trình bày: Ông có nhận được giấy triệu tập của Tòa án và Tòa án có yêu cầu ông làm bản tự khai trình bày ý kiến ông xác định ông không đồng ý ly hôn với bà H vì trong cuộc sống hôn nhân chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ gia đình nào cũng có nhưng không đáng để vợ chồng phải ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: ông N không trình bày trong bản tự khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông N trình bày: Ông và bà H đã không còn sống chung từ tháng 6/2020 đến nay bà H đã về nhà ở với ba mẹ bà H từ đó đến nay

ông vẫn qua lại hỏi han nói chuyện qua điện thoại nhưng bà H vẫn không đồng ý hàn gắn về lại với ông.

Về con chung: có 02 cháu tên Hoàng Lê A, sinh ngày 31/5/1997 và Hoàng Trung H, sinh năm 30/4/1999. Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 25/2021/HNGĐ-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của bà Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Hoàng Văn N.

2. Về con chung: có 02 cháu tên Hoàng Lê A, sinh ngày 31/5/1997 và Hoàng Trung H, sinh năm 30/4/1999. Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; nợ chung: xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/02/2021, bị đơn ông Hoàng Văn N nộp đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án lý do ông không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của ông N: tại văn bản của UBND phường T cung cấp có nội dung UBND phường không nắm rõ mâu thuẫn của vợ chồng bà H, ông N. Tại phiên tòa sơ thẩm, cháu Hoàng Trung H là con của ông N, bà H trình bày: ông N và bà H chung sống không có mâu thuẫn lớn, ông N dành tình cảm cho các con và chưa đánh bà H lần nào. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ông N, bà H chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn nên ông N kháng cáo không đồng ý ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Ông N kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không cần thiết. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308

BLTTDS năm 2015 chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn N, sửa bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn N trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Ông Hoàng Văn N cho rằng cấp sơ thẩm giải quyết cho ly hôn là không khách quan vì bà H không đến tòa tham gia xét xử chứng tỏ bà H không muốn ly hôn nữa và ông N đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì lý do ông không đồng ý ly hôn.

Xét nội dung kháng cáo của ông Hoàng Văn N đề nghị hủy án nhưng không cung cấp chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu hủy án nên kháng cáo phần này không có cơ sở. Đối với ý kiến ông N không đồng ý ly hôn, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Bà Lê Thị H và ông Hoàng Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01 ngày 18/01/1996, căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo nội dung đơn xin ly hôn và bản tự khai, bà H trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, ông N thường hay có những lời lẽ không tế nhị, xúc phạm danh dự nhân phẩm và hay động tay động chân thô lỗ bạo lực gia đình đánh đập bà, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, vợ chồng không còn sự quan tâm, gần gũi, chia sẻ và không còn niềm tin đối với nhau, giữa bà H và ông N chỉ tồn tại với nhau về mặt pháp lý, còn tình cảm vợ chồng thì thật sự không còn, nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

Theo ông N trình bày vợ chồng vẫn sống bình thường trong cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn nhỏ không đáng kể để vợ chồng ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn với bà H. Tại phiên tòa sơ thẩm ông N cũng thừa nhận quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nhưng theo ông N là mâu thuẫn nhỏ gia đình nào cũng có. Và ông N cũng thừa nhận hai vợ chồng ly thân nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay.

Tại bản trình bày ý kiến của bà H gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, việc ông N kháng cáo cho rằng bà H không đến tòa tham gia phiên tòa là không muốn ly hôn là không đúng. Trong thời gian hai vợ chồng sống ly thân gia đình nội ngoại hai bên đã hòa giải hàn gắn nhưng bà H xác định không còn tình cảm với ông N, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng không thể hàn gắn về chung sống với nhau được nữa nên bà H vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cấp sơ thẩm thu thập được thể hiện qua những hình ảnh bà H cung cấp cho Tòa án thì giữa bà H, ông N có những lần xảy ra xung đột vợ chồng xô xát, giằng co với nhau.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tạo điều kiện cho bà H với ông N hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không hòa giải hàn gắn đoàn tụ được. Như vậy, từ tháng 6/2020 đến nay (tại giai đoạn xét xử phúc thẩm) thời gian sống ly thân cũng đã gần một năm nhưng phía ông N vẫn không thể hàn gắn được tình cảm với bà H để đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng bà H, ông N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông N là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H vẫn xác định tình cảm với ông N không còn không thể hàn gắn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, ông N không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc hai vợ chồng hàn gắn đoàn tụ được và chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình. Vì vậy, kháng cáo của ông N không có căn cứ chấp nhận nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp tại biên lai số 0000156 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Áp dụng Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn N; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 25/2021/HNGĐ-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của bà Lê Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Hoàng Văn N.

Về con chung: Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; nợ chung: các đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0009613 ngày 29/6/2020. Bà H đã nộp xong.

Về án phí phúc thẩm: Ông Hoàng Văn N phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp tại biên lai số 0000156 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ông N đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THS DS tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THA DS TP. Biên Hòa;
- UBND P. T, TP. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Minh